TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 8 – 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Đương.
- Ông Lê Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm 198x. Hộ khẩu thường trú xóm HT, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay xóm A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm HT, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S (Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm HT, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 28/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến năm 2018 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay bà Nguyễn Thị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Văn S

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S có 04 (Bốn) con chung là Lê Thị M – sinh ngày 28/02/200x, Lê Thị Như Q – sinh ngày 25/02/201x, Lê Thị TT – sinh ngày 07/11/201x, Lê Văn D – sinh ngày 30/9/201x. Ly hôn thì bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giao cho bà Nguyễn Thị L được nuôi con chung là Lê Thị Như Q, Lê Thị TT; và giao cho ông Lê Văn S được nuôi con chung là Lê Thị M, Lê Văn D. Do mỗi người đều nuôi 02 (Hai) con chung chưa đủ 18 tuổi nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về nợ chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn trình bày như sau: Ông Lê Văn S đồng ý với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân. Ông Lê Văn S thấy tình cảm vợ chồng đang còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc các con nên ông Lê Văn S không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L có 04 (Bốn) con chung là Lê Thị M – sinh ngày 28/02/200x, Lê Thị Như Q – sinh ngày 25/02/201x, Lê Thị TT – sinh ngày 07/11/201x, Lê Văn D – sinh ngày 30/9/201x. Nếu ly hôn, ông Lê Văn S đề nghị Tòa án giao cho bà Nguyễn Thị L được nuôi con chung là Lê Thị Như Q, Lê Thị Thanh Thanh Tâm; và giao cho tôi Lê Văn S được nuôi con chung là Lê Thị M, Lê Văn D. Do mỗi người đều nuôi 02 (Hai) con chung chưa đủ 18 tuổi nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn S không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Về nợ chung: Ngày 30/6/2023, ông Lê Văn S nạp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia nợ chung là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng là tiền vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Tại phần tranh luận: Bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Văn S.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L được nuôi con chung là Lê Thị Như Q, Lê Thị TT; giao cho ông Lê Văn S được nuôi con chung là Lê Thị M, Lê Văn D. Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn thực hiện quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại xóm HT, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện với yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc; có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S là hợp pháp. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù ông Lê Văn S không muốn ly hôn với bà Nguyễn Thị L nhưng xét việc bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn S sống ly thân đã lâu và không người nào có biện pháp để gìn giữ hạnh phúc gia đình, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, giải quyết cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Văn S.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L có 04 con chung là Lê Thị M – sinh ngày 28/02/200x, Lê Thị Như Q – sinh ngày 25/02/201x, Lê Thị TT – sinh ngày 07/11/201x, Lê Văn D – sinh ngày 30/9/201x. Hội đồng xét xử thấy rằng khi giải quyết việc ly hôn thì cần giao cho ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị L mỗi người nuôi 02 (Hai) con chung. Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, căn cứ nguyện vọng của cháu Lê Thị M mong muốn được sống cùng với ông Lê Văn S; các cháu Lê Thị Như Q, Lê Thị TT đều có nguyện vọng được sống cùng với bà Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà Nguyễn Thị L được nuôi con chung là Lê Thị Như Q, Lê Thị TT; giao cho ông Lê Văn S được nuôi con chung là Lê Thị M, Lê Văn D.

Vì bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn S mỗi người nuôi 02 (Hai) con chung nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ngày 30/6/2023, ông Lê Văn S nạp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia nợ chung là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng là tiền vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 157/TB-TA ngày 30/6/2023 và đã giao văn bản này cho ông Lê Văn S. Nhưng đến hết thời hạn mà ông Lê Văn S vẫn không nạp biên lai thu tạm ứng án phí nên ngày 13/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 01/TB-TA và đã tống đạt văn bản này cho ông Lê Văn S theo quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S về yêu cầu chia nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Thị Như Q – sinh ngày 25/02/201x, Lê Thị TT – sinh ngày 07/11/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cho ông Lê Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Thị M – sinh ngày 28/02/200x, Lê Văn D – sinh ngày 30/9/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S đều không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nạp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002970 ngày 05/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND TS, huyện ĐL
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà